

Về Nguồn: Con Đường Sống Của Dân Tộc Trong Xu Thế Toàn Cầu Hóa

Con Đường Sống Của Dân Tộc Trong Thiên Niên Kỷ Mới

Trước sức ép của thế lực quốc tế về mặt văn hóa, kinh tế, chính trị, v.v... lối thoát hợp tình hợp lý của dân tộc Việt Nam là phục hoạt và phát huy **bản sắc dân tộc** làm nền tảng cho công cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và cuộc cách mạng tâm linh mà khởi điểm là **trở về với chính mình**.

Tự biết mình, thay đổi chính mình, không những chuyển hóa tâm thức mình mà còn cứu được đất nước trên nền tảng thực hiện con đường sống của dân tộc (nhân đạo); đồng thời dân tộc Việt Nam cũng đóng góp phần mình vào công cuộc xây dựng nền **văn minh nhân bản**, xu thế tất yếu của loài người trong những thập niên tới.

Yếu Tố Nước Trong Nền Văn Hóa Việt

Sống và lớn lên trong môi trường thảo mộc (cây lúa nước) và nước (nguồn sống của muôn loài), tổ tiên người Việt đã quan sát và thể nghiệm sức sống bình dị, lành mạnh, an hòa của thảo mộc và lòng cao cả nhân ái của thiên nhiên trong đời sống thuận theo nguyên lý vận hành của trời đất.

Tổ tiên ta sống “an cư lạc nghiệp” lâu đời từ thế hệ này sang thế hệ khác trong môi trường sinh thái gió mưa trên mảnh đất ẩm ướt quanh năm, với sông lớn, sông nhỏ chằng chịt, ao hồ khắp nơi, phía ĐÔNG lại giáp với biển. Cho nên từ cái làm (trồng lúa nước) đến cái ăn (gạo, đạm, thủy sản) chốn ở (sống trên thuyền bè, nhà sàn trên nước) giao thông (thuyền, cầu phao) quân sự (giỏi thủy chiến) giải trí (múa rối nước) cho đến cái chết (thủy táng) đều liên hệ mật thiết đến nước. Có lẽ trên thế giới chỉ có người Việt gọi quê hương mình là NƯỚC : nước Văn Lang.

Nói đến Việt Nam là phải lưu tâm đến tính cách sông nước và yếu tố biển trong dòng sống của dân tộc (xem Nước : đặc tính gốc của nền minh Triết Việt – Tủ Sách Việt Thường).

Tiến Sĩ H.R. Ferray cho rằng tự mình, nước biết “gạn đục khơi trong” như là người Việt Nam và nét đặc sắc của văn hóa Việt Nam là tính cách “không chối từ” của nó.

Thực ra, nó chỉ có một chối từ : sự đồng hóa cưỡng bức. Còn lại, nó tìm cách dung hòa và hội nhập mọi sở đắc văn hóa của Hoa, của Ấn, của Nam đảo, của Âu-Tây... cả ngôn từ và kỹ thuật, cả tôn giáo và nghệ thuật (Trần Quốc Vượng – Văn Hóa Việt Nam Tìm Tòi Và Suy Ngẫm, N.X.B. Văn hóa dân tộc, năm 2000, trang 44).

Nếp Sống Hòa Hòa (Hòa Cả Làng)

Chính mối quan hệ thiết thân giữa người và nước đã giúp cha ông chúng ta **nắm bắt được các yếu tính của nước** và thể nghiệm chúng trong cuộc sống của dân tộc. Có thể nói “cây lúa nước” và “nước” đã **thăng tiến sự hiểu biết** đồng thời xây dựng những đặc tính của người Việt và những yếu tính đặc thù của nền văn hóa Việt. Kể sao cho hết những bài học mà **nước**, vị thầy vô tư vi diệu đã chỉ dạy cho người nông dân Việt ngày xưa: thích nghi, không chấp, khiêm cung từ ái, thích ứng, tự thanh lọc, nhẫn nhục, linh động, bao dung, hài hòa, thăng hoa, v.v... (xem Nước: Đặc Tính Gốc của Nền Minh Triết Việt, Tủ Sách Việt Thường).

Môi trường này đã trở thành người thầy muôn thuở của dân tộc Việt. Tổ tiên ta đã cảm nhận được nguyên lý thái hòa từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên). Từ sự hiểu nghiệm đó, ông cha ta xây dựng được cách sống lấy tình nghĩa làm đầu, lối ứng xử tương nhượng, nếp sống hài hòa chan chước tính người và tình người, đạo sống thái hòa được huyền thoại hóa qua biểu tượng thần tổ kép Tiên Rồng để con cháu Việt noi theo.

Đạo sống thái hòa – cách sống hài hòa – giúp cho tổ tiên ta đạt được tâm thức tiến hóa một cách toàn thể tương quan nhân quả của biến hóa (dụng) và cố định (thể) trên quan niệm con người là trung tâm của mọi hoạt động và tư duy. Con người tuy đóng vai trò chủ chốt nhưng không phải là độc tôn. Con người ấy có những liên hệ hài hòa, đồng đẳng, đồng cảm với thiên nhiên, với môi trường sống và ngay cả với đồng loại.

Thần Tổ Kép Tiên Rồng là Biểu Tượng của Hài Hòa và Thăng Hoa

Người thầy muôn thuở đó đã giúp cho dân tộc Việt biết lấy hài hòa làm chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử : hài hòa giữa thân tâm để chuyển hóa tâm thức; hài hòa giữa người với người để sống chung yên vui thanh bình; hài hòa giữa người với thiên nhiên để con người bước vào tiến trình thăng hoa với định hướng con người tương thông với thiên nhiên, theo chiều kích Nhân và Trí : hòa cùng vũ trụ.

Thần tổ kép Tiên Rồng của dân tộc Việt là biểu tượng thăng hoa theo chiều kích Nhân và Trí – mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân) và cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (Nước Trí).

Người thầy muôn thuở đó đã giúp cho dân tộc Việt **biết lấy tình thương và trí tuệ làm định hướng** cho dân tộc trong mọi ý nghĩ, lời nói, và việc làm để nhân tính làm chủ đạo cho tất cả hoạt động thân tâm hầu thăng hoa con người và cuộc sống.

Với kinh nghiệm sống trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, với cái thấy biết không phân biệt (đối lập chỉ là hai mặt của một cái toàn thể – đối cực chính là bổ sung), và quan niệm con người là trung tâm của mọi hoạt động và tư duy, ông cha ta sớm ý thức con đường sống của dân tộc là nhân đạo, và chủ trương xây dựng một **nền văn hóa dân tộc hòa**

bình nhân bản mang tính khai phóng và dung hóa trong giao lưu qua lăng kính nhân chủ và dân chủ, dung hợp được tự do và bình đẳng. Nó khởi đi từ lối sống hài hòa giữa thân tâm, với nếp sống **hòa thuận** trong gia đình phân công, **hòa mục** trong xã thôn tự trị đến sự **thái hòa** của đất nước với chế độ địa phương phân quyền (phép vua thua lệ làng). Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng, theo chiều kích tình thường và trí tuệ, với định hướng BIẾN-Hóa-Thăng hoa – Hòa đồng: hòa vào dòng sống xã hội và cùng vũ trụ.

Thấm nhuần trong nền văn hóa hòa bình nhân bản với nếp sống hài hòa đã giúp cho dân tộc Việt có được một thể chất lành mạnh, giữ cho nòi giống được trường tồn, một thái độ nhân ái cao cả, một tinh thần linh hoạt bao dung khoan hòa cùng một ý chí vững mạnh như Rồng, cố gắng vươn lên, thăng hoa như Tiên Rồng, như nước bốc hơi.

Với thể chất ấy và tinh thần ấy cùng cách sống ấy dân tộc Việt đã từ thế hệ này qua thế hệ khác hóa giải sức đồng hóa mãnh liệt của Trung Hoa đông dân và mạnh hơn dân tộc Việt cả trăm lần. Dân tộc Việt đã tạo nên không biết bao nhiêu trang sử oai hùng qua các triều đại với những nét kiêu hùng độc đáo của thời thế tạo anh hùng, phá Tống, bình Chiêm, đuổi Minh, kháng Thanh.

Trong lịch sử thế giới có lẽ chỉ có dân tộc Việt Nam đã ba lần chiến thắng vẻ vang một đạo quân bách chiến bách thắng của đế quốc Mông Cổ, từng làm bá chủ một phần Châu Âu và thống trị Trung Quốc – cái rốn của thiên hạ – gần một trăm năm. Chính sức mạnh vật chất và tinh thần của đạo sống Việt đã hun đúc cho dân Việt một tinh thần dân tộc đặc thù – nội lực của dân tộc – giúp cho dân tộc Việt Nam chống Nhật, đánh Pháp, đuổi Mỹ và đang bền bỉ chống chủ nghĩa cộng sản phi dân tộc, kiên định giữ vững bản sắc dân tộc trong tinh thần khai phóng và dung hóa, đưa hai tay đón nhận tất cả tinh hoa của các nền văn hóa phù hợp với tâm tư tình cảm của người Việt.

Hội Nhập và Hòa Minh vào Dòng Sống Dân Tộc

Đã đến lúc người Việt không chỉ tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam “đứng đâu đó” bên dòng lịch sử sinh động của dân tộc bằng “*chữ nghĩa*” để phô trương kiêu hãnh, tạc tượng con người và thành quả của cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước trong quá khứ khoảng 8,000-9,000 năm, mà phải hội nhập *hòa mình* vào dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc, thể hiện sự *tương thông* giữa người với người trong thời đại tin học trên căn bản Tâm học. (*Tâm học* là một truyền thống đặc thù của nền minh triết Việt. Đó là *khoa học nhân bản tâm linh* trên nền tảng của giáo dục nhân bản tâm linh “ học ăn, học nói, học gói, học mở” với định hướng Biến - Hóa – Thăng Hoa – Hòa Đồng, được khai triển từ lý tắc Tiên Rồng, tức nguyên lý Âm-Dương).

Phát Huy Óc Sáng Tạo Thay Vì Ngồi Ca Ngợi Hào Quang của Quá Khứ

Đã đến lúc người Việt ở thế kỷ 21, thế kỷ của tin học không thể “đứng đầu đó” bên dòng sống sinh động của dân tộc nghĩa là không thể ôm chặt hào quang quá khứ để hãnh diện, tự hào những gì ông cha ta đã làm cho đất nước dân tộc (thực hiện cuộc cách mạng trồng lúa nước, rừ Bắc Sơn nổi tiếng trên thế giới, trống đồng, những chiến thắng vẻ vang đã đẩy lui những đoàn quân xâm lược) để thỏa mãn lòng từ ái, tâm khảm của kẻ yếu hèn, bất lực trước mọi khó khăn hiện tại, không vận dụng được tâm Việt, hồn Việt để mở ra con đường thoát cho dân tộc, đồng thời góp phần mình trong đời sống của cộng đồng nhân loại trên nền tảng của bản sắc dân tộc, mà chỉ biết “nhai đi nhai lại” năm nầy qua năm khác : Việt nông nghiệp, Tàu du mục, ta dạy Tàu trồng lúa nước, Tàu cướp đoạt những tinh hoa của văn minh nông nghiệp trồng lúa để biên soạn Kinh Dịch, Tứ Thư Ngũ Kinh, v.v... và v.v.... Chữ Nho cũng như đạo Nho thoát kỳ thủy do người Bách Việt khởi sáng, rồi sau người Tàu hoàn bị và làm cho sa đọa thành Hán Nho, v.v...và v.v....

Sự giao lưu giữa các nền văn minh trải qua các thời đại đã đưa nhân loại về một điểm đồng qui là *chung sức sáng tạo*. Sáng kiến 100 năm trước đã lỗi thời so với một trăm năm sau. Chính những sáng kiến và sáng chế là chất liệu kỳ diệu làm cho các nền văn minh xích lại gần nhau hơn để cùng nhau phát triển và cùng đóng góp phần mình trong công cuộc *xây dựng nền văn minh nhân bản* trong tương lai.

Chúng ta phải ý thức rằng “cái thể” là cái cố định, cái bất biến là nguyên tắc, “cái dụng” là *cái sáng tạo*, cái tạo tác luôn trôi chảy và biến dịch. **Cái dụng mới thăng hoa cuộc sống và con người.**

Tổ tiên chúng ta đã biết vận dụng nguyên lý âm dương vào cuộc sống, thực hiện cuộc cách mạng trồng lúa nước cách ngày nay 8,000-9,000 năm; với óc sáng tạo, ông cha ta đã sáng chế “trống đồng”, đàn cò, đàn bầu, v.v.... Ngày nay chúng ta phải phát huy khả năng sáng tạo để theo kịp trào lưu tiến bộ của nhân loại, chứ không phải chỉ ngồi ca ngợi suông công đức của tổ tiên mà không làm gì để tìm ra lối thoát và hướng đi bền vững lâu dài cho dân tộc.

Một nền văn hóa đáp ứng được sự tiến bộ là nền văn hóa sáng tạo. Còn nền văn hóa chỉ biết ôm chặt tư tưởng hạn hẹp của bản quyền mà không có khả năng phát triển và sáng tạo là nền văn hóa tự hoại vì thiếu “*phần dụng*”.

Ngày nay trên thị trường tiêu dùng người ta chỉ nghĩ đến *cái dụng* của sản phẩm, chứ không đặt nặng “tác quyền” của sản phẩm, nếu không muốn nói là không cần biết đến. Chỉ những người nghèo óc sáng tạo với tâm trạng tự cao tự mãn mới ngồi bàn về cái bản quyền, cái thể.

Trên thực tế không ai đòi bản quyền của tiếng nói khoa học : không gian (máy bay, vệ tinh), hàng hải (tàu ngầm, tàu nguyên tử, v.v...), kỹ nghệ (xe hơi, điện thoại máy điện toán, v.v... và v.v...); việc ứng dụng các nguyên lý của dịch vào đời sống mới là điều quan trọng và cần thiết.

Trong thời đại các nền văn minh giao lưu mật thiết đòi bản quyền “kinh dịch”, “ngủ hành”, hoặc một tư tưởng nào đó, v.v... mà không có khả năng ứng dụng vào việc phát triển đời sống thực tiễn thì giành giựt để làm gì ? Để nó ở đâu ?

Thực tế cho thấy hiện nay các ban nhạc nổi tiếng của Trung Quốc đang sử dụng đàn cò, đàn bầu (rõ ràng là của Việt Nam) lưu diễn khắp nơi với sáng kiến riêng theo kịp nhịp phát triển của nền âm nhạc thế giới.

Thiên hạ say mê thưởng thức, tỏ lời khen ngợi và quý trọng ban nhạc Trung Quốc và những người sử dụng đàn cò và đàn bầu, chứ mấy ai ca ngợi nhạc khí Việt Nam, vì đa số không cần biết đàn do ai sáng chế.

Hiện nay các dân tộc trên thế giới đều vận dụng, ứng dụng “*nguyên lý âm dương*”, “ngủ hành” vào việc sáng chế các sản phẩm, trong mọi lĩnh vực phục vụ đời sống vật chất cũng như trong công cuộc phát triển tâm linh.

Người ta đánh giá sản phẩm và mức độ thăng hoa của con người và đời sống, chứ không lưu tâm đến ai đã khám phá ra nguyên lý âm dương ngũ hành.

Đạo Lý Dân Tộc Không Có Kinh Sách

Đã đến lúc người Việt không cần phải tìm về “kinh điển”, “sách vở” để tranh biện về chữ nghĩa, về những khuôn mẫu, những xác chết đã khô cứng... hơn thua, dị biệt thiết lập các hệ thống độc quyền, trong đó có độc quyền tư tưởng.

Đó là “ôm vinh quang quá khứ” đi vào ngõ cụt, bế tắc, nếu không muốn nói là con đường chết, bị hủy diệt trong xu thế toàn cầu hóa với cuộc cách mạng tin học.

Đạo lý dân tộc không có kinh sách, không có Ngũ Kinh hay Đại học – Luận Ngữ – Mạnh Tử – Trung Dung không có Kinh Tạng hay Phật pháp, Phật học, không có Kinh Thánh hay sách giáo lý – giáo luật, chỉ có những câu có vần có điệu, dễ hiểu, dễ nhớ, gợi hình, gợi cảm, những chuyện truyền khẩu, và những phong tục tập quán không hề bất biến, nghĩa là có thể tùy thời mà đổi, vứt bỏ đôi phong bại tục, vứt bỏ tư duy độc hại lỗi thời, để kiến tạo những con người mới, xã hội mới (Đông Phong, Bản sắc dân tộc, NXB Đường Việt Nam năm 2000, trang 56).

Khi nền văn hóa Việt Nam hình thành từ thời văn hóa Sơn Vi (35,000 năm TNN) qua thời văn hóa Hòa Bình (15,000-10,000 TNN) với cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước, tiếp tục trải qua các nền văn hóa Bắc Sơn (10,000-6,000 TNN) với chiếc rìu nổi tiếng trên thế giới, văn hóa Phùng Nguyên (5,500 năm TNN), thời đại các vua Hùng dựng nước và thời đại văn hóa Đông Sơn (800 năm TTL) với trống đồng thì Nho- Lão – Phật và Ki Tô giáo chưa du nhập vào Việt Nam.

Hơn nữa, ca dao tục ngữ, huyền thoại đã rút ra từ đời sống hiện thực sinh động chan chứa tính người và tình người nên không cần kêu cầu đến giáo điều tôn giáo, kinh điển sách vở.

Văn Hóa Việt Là Văn Hóa Xóm Làng

Đã đến lúc người Việt phải ý thức rằng “dân tộc nào để văn hóa ngoại lai ngự trị thì không thể có độc lập thực sự vì văn hóa là linh hồn của một dân tộc (Nguyễn An Ninh, Lý Tưởng Của Thanh Niên Việt Nam).

Văn hóa Việt Nam là **văn hóa xóm làng**. Nói cách khác xóm làng là bản thân của văn hóa Việt. Tại sao chúng ta không trở về với xóm làng, **bản thân thực nghiệm của dân tộc** ; ở đó các yếu tố căn bản của văn hóa Việt vẫn còn đang tiếp diễn sinh động, mà lại đi tìm cốt lõi của đạo sống Việt trong sách vở (Tư Thư Ngũ Kinh), ở tận bên Tàu.

Cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước với quá trình lịch sử dựng nước lâu dài và đấu tranh liên tục giữ nước đã tạo cho dân tộc một cơ cấu xã hội khá đặc biệt. Cơ cấu ấy lấy gia đình làm đơn vị tâm lý phát triển nếp sống tình cảm và suy tư, lấy xã thôn tự trị làm đơn vị hành chánh phát triển sinh hoạt kinh tế, xã hội, chính trị, văn hóa....

Kiến trúc xã hội Việt Nam xưa nay vốn chỉ xoay quanh hai đầu trục thực tại và thực tiễn ấy : gia đình và xã thôn. Xã thôn tự trị thể hiện tinh thần dân chủ, dung hợp được công bằng và tự do, phù hợp với nhân tính.

Cho nên trở về với xóm làng, bản thân thực nghiệm của dân tộc với tâm Việt hồn Việt trên đôi chân của chính mình, chúng ta mới nhận thức được đúng đắn và đầy đủ nếp sống *tương nhượng* quân cư hài hòa (hòa cả làng) trong xóm làng chứa chan tính người và tình người, cung cách tương giao và ứng xử khước từ bạo lực (khôn chẳng qua lễ, khỏe chẳng qua lời) thể hiện *tính hiếu hòa*, lấy tình nghĩa làm đầu (một bồ cái lý không bằng một tí cái tình) với tập tục vẫn công / đối công trên đồng ruộng trong tinh thần “có việc thì đến, hết việc thì đi”. Trở về xóm làng, hội nhập hòa mình vào dòng sống sinh động của dân tộc trên tính người và tình người thì mới hiểu được, chiêm nghiệm được một cách sâu sắc đạo lý dân tộc là “thương người như thể thương thân”.

Khi ông Phật, ông Khổng, ông Lão, ông Jesus chưa sinh ra đời, và khi ý niệm Nho Lão Phật... chưa đi vào đời sống người Việt thì tình thương phát sinh từ đâu, nếu không là từ người Mẹ ? Người mẹ đã đưa chúng ta vào đời với tình thương.

Khởi đi từ dòng sống “cha khôn mẹ khéo”, thai nhi được cấy trồng hạt giống tình thương uyên nguyên từ thời thai giáo.

Cảm nhận từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên) hòa quyện với thiên chức của người mẹ, tình thương được truyền thẳng từ tâm qua tâm. Hạt giống tình thương (không mang bất cứ nhãn hiệu nào, ý thức hệ hay tôn giáo) được cấy trồng, nuôi dưỡng suốt thời thai nhi. Mẹ đã cảm nhận thiên nhiên và tình người hòa quyện vào nhịp thở và con tim của thai nhi. Rồi bé được tiếp tục ấp ủ, trau dồi với lòng thương yêu vô bờ bến của người Mẹ, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh – học ăn, học nói, học gói, học mở, cảm nhận từ nguyên lý âm dương, với định hướng tâm học dân tộc (Biến – Hóa, Thăng hoa, Hòa đồng).

Lớn lên trong môi trường thuận lợi thích hợp – tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, với tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái, với cách xưng hô với tha nhân như người thân trong gia đình – tình thương nảy nở, phát triển hồn nhiên trong sáng.

Từ cuộc sống thực tế, con người chiêm nghiệm được “thương người, người lại thương ta” và trực nhận ra “ghét người mình lại hóa ra ghét mình” Sự hiểu nghiệm trong tính người và tính người đó xây dựng nhân sinh quan không phân biệt ta và người, và đạo lý dân tộc “*thương người như thể thương thân*” được hình thành trong lòng người Việt trở thành bản sắc của dân tộc. Tình thương hóa giải mọi mâu thuẫn nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội.

“Thường nhau củ ấu cùng tròn”, cho nên ở đâu có tình thương, ở đó có chấp nhận dị biệt “rằng trong lẽ phải có người có ta”, và khước tử bạo lực (khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời). Ở đâu có tình thương, ở đó có hài hòa bình an và hạnh phúc.

Tất cả những nét đặc trưng kể trên đã kết thành Đạo sống Việt. Và chính đạo sống đầy tính người và tình người ấy đã định hướng cho dân tộc ta trong suốt chiều dài của lịch sử.

Trong tiến trình phát triển từ cá nhân qua gia đình đến làng xã tự trị (môi trường thể nghiệm sinh hoạt trách nhiệm cộng đồng), dọn đường cho trách vụ công dân để phục vụ đất nước với một ý thức dân tộc đậm đà. Khổng Tử có lẽ đã cố ý loại bỏ cấu trúc “làng xã” vì nó không thể có chỗ đứng trong phần dựng của mô hình chuyên chế độc tài du mục (Tân Thủy Hoàng cũng đã bóp chết quy chế làng xã tự trị bằng hệ thống kiểm soát *ngũ gia liên bảo* ở nông thôn).

Trong khi đó, cấu trúc xã hội nông nghiệp trồng lúa nước đã được dân tộc Việt bảo tồn và phát huy với tinh thần khai phóng và dung hóa từ thời lập quốc cho đến mãi sâu này: *Làng (chạ)*

là đơn vị hành chính cơ sở của nước ta từ thời vua Hùng (Vũ Kim – Văn Hiến Làng Xã Vùng Đất Tổ Hùng Vương – Trung Tâm Unesco, Hà Nội, 1999, trang 517).

Suốt thời gian bị Bắc thuộc, làng xã vẫn là bầu trời riêng của người Việt. Thủ lĩnh Việt hùng cứ ở hương thôn (Ngụy Trưng, Tùy Thư Thực Hóa Chí, Mã Đoan Lâm – Văn Hiến Thông Khảo (dẫn theo Lịch sử Việt Nam, NXB/KHXH Hà Nội, 1971, trang 59).

Theo nhà Việt học Paul Mus: “Làng xã đã là các yếu tố cấu thành quốc gia Việt Nam và chỉ qua chúng, trong lúc lâm nguy, ta mới có thể hiểu được đất nước và tinh thần dân tộc của họ.” (John T. McAlister, Jr. Paul Mus, Vietnamese and Their Revolution – Harper & Row Publisher N.Y. 1970, trang 52).

Thực vậy, sự thành công trong suốt chiều dài lịch sử của Việt Nam là nhờ sự gắn bó keo sơn và dững cảm của các định chế (làng xã) này (sdd, trang 45). Sở dĩ được vậy là vì “... trên chính nền tảng của xã hội Việt Nam, trong suốt chiều dài lịch sử, đồng lúa đã cung cấp cho xã hội Việt một lễ sống. Đồng lúa đã cung cấp cho một cấu trúc xã hội bền vững, một kỷ luật tự giác trong vấn đề lao tác và một nhịp điệu cho các lễ hội cộng đồng. Tóm lại đó là giao ước xã hội tự thân, đất đai và trời”. Bởi vậy mà “...sự hài hòa giữa người Việt và các điều kiện của hoàn cảnh sống đã đậm sâu đến độ không một chủng tộc nào chặn được bước tiến của họ, cũng như chẳng một lực nào bẫy được họ ra khỏi đất đai của họ. Khi cần chống ngoại xâm thì “...làng mạc Việt Nam, với tất cả dáng vẻ quê mùa của nó, đã trở nên một thánh địa bất khả xâm phạm của đất nước vì các làng mạc ở rải rác khắp nơi chứ không tập trung tại một địa điểm khiến địch quân có thể chiếm giữ như thủ đô, lật đổ một triều đại khuất phục một vương triều (sdd trang 46,47,50).

Mỗi làng thường có một lực lượng tuần dinh giữ an ninh cho dân làng. Khi đất nước bị xâm lấn, tuần dinh được chuyển thành dân binh để làm nhiệm vụ giữ làng, giữ nước.

Trong lịch sử chống ngoài xâm của dân tộc Việt Nam dân binh và làng chiến đấu đã giữ một vai trò chiến lược quan trọng. Danh từ dân binh đã xuất hiện trong cuộc kháng chiến chống Nguyên – Mông đời nhà Trần (Phan Huy Lê – Tìm Về Cội Nguồn Tap I – NXB Thế Giới Hà Nội, 1999 trang 574).

Làng mạc còn là nơi ẩn náu hữu hiệu khi kẻ địch nói một ngôn ngữ khác, hay đặc biệt hơn, khi có màu da khác (John T. McAlister, Jr. Paul Mus, sdd, trang 47).

Thêm vào đó, làng xã Việt Nam còn đóng vai trò quan trọng trong cuộc bành trướng về phương Nam mà Paul Mus đã mô tả như sau: “Lịch sử Việt Nam đổ xuống Đông Dương như một cơn lũ cuốn trôi tất cả dân tộc sống tại vùng bình nguyên đã có ruộng lúa hoặc thích hợp cho sự phát triển của cây lúa. Cuộc Nam tiến mở đường bằng những cuộc hành quân được củng cố bởi nông dân. Hòm mở rộng hệ thống làng mạc và hủy diệt các vết tích của vương triều Chăm chiến bại nằm trên các ngã đường Nam tiến.

Gần giống như Hồi giáo, nông dân Việt đã mang theo trọn vẹn cả cuộc sống chứ không phải riêng rẽ từng phần, như kinh tế, tín ngưỡng và hệ thống pháp luật. Người Việt đã xây dựng tại vùng đất đai mới này theo hình ảnh thân thuộc của họ. Nơi nào cái nếp sống ấy thành công thì người Việt định cư lại nơi đó. Và theo như kinh nghiệm đã chứng minh, nơi ấy là nơi họ sẽ sống đời (John T. McAlister, Jr. Paul Mus – sđd trang 47-48).

Như vậy làng Việt Nam là một định chế đặc thù của nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời, phát sinh từ nhu cầu gắn bó của con người với đất đai, với cộng đồng và đất nước.

Chúng ta biết rằng, phản ứng thông thường của con người đối với các cuộc xâm lấn và thống trị là sự đề kháng. Tuy nhiên, sức đề kháng thường chỉ có hiệu lực ngắn hạn. Khi tìm hiểu tiềm lực thần kỳ đã giúp dân Việt lật đổ được nền thống trị ngàn năm của Hoa Hán, Paul Mus đã nhận định rằng: *...tinh thần đề kháng đã phối hợp với sức mạnh đồng hóa kỳ diệu cùng với tinh thần dân tộc bất khuất đã làm vô hiệu hóa những thất bại, phân hóa và chinh phục. Sau hơn 1,000 năm bị Tàu đô hộ, tinh thần dân tộc bất khuất ấy, chẳng những không hề nhụt đi mà xem ra lại còn mạnh hơn lên. Ở Quảng Đông, Quảng Tây và Vân Nam nền văn minh Trung Quốc đã kiến lập nên một vùng đất Trung Hoa từ các thành phần sắc tộc tấp nham. Tuy nhiên ở phía nam của các tỉnh này, vùng đất cũng bị đặt dưới sự đô hộ của Trung Hoa, thì ngược lại, một nước Việt Nam đã được kiến lập. Suốt hơn 2,000 năm, người Việt đã thực hiện cuộc đối kháng nội tâm trong một cuộc chiến đấu không ngang sức với nền văn hóa Trung Hoa. Ngay từ khởi đầu và trong tận đáy lòng chắc chắn họ đã thoát khỏi hình thức chủ nghĩa chính quyền, một đặc trưng của nền văn hóa du mục Trung Quốc.*

Như vậy, cơ cấu làng xã là nơi bảo vệ văn hóa dân tộc một cách tích cực và đặc lực để chống lại văn hóa ngoại nhập nào không phù hợp với tâm hồn người Việt.

Suốt thời gian hơn một ngàn năm bị Bắc thuộc “làng” với lũy tre xanh là một thế giới riêng với những tập tục trên tính người và tình người. Những tập tục đặc biệt đó được ghi trong “*hương ước*”, truyền lại không biết từ đời nào được dân làng trân trọng giữ gìn.

Một câu hỏi được đặt ra.

Tại sao một người ngoại quốc như Paul Mus nhận thấy được xóm làng là bản thân thực nghiệm của dân tộc Việt Nam, và ở đó các yếu tố căn bản của văn hóa Việt còn đang tiếp diễn sinh động trong đời sống mà một số không ít trí thức khoa bảng Việt Nam lại đi tìm cốt lõi, hằng số của văn hóa Việt trong sách vở của các “THÁNH” Khổng Tử, Mạnh Tử, v.v...ở bên Trung Quốc ?

Phải chăng vì với tình thần thực tiễn và không bị điều kiện hóa bởi sách vở mà ông Paul Mus nhận ra được sự thật ?

Phải chăng vì các trí thức khoa bảng Việt Nam đã bị điều kiện hóa bởi sách vở của các ông THÁNH TRUNG QUỐC, *không hòa mình vào dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc*, và không có khả năng đứng trên đôi chân của chính mình, nên phải đi tìm nguồn gốc văn hóa Việt trong sách vở (Tứ Thư Ngũ Kinh) của Tàu ?

Thế mới biết tại sao văn hóa bác học Việt Nam bị ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng của các ông Thánh Tàu !

Như vậy, cơ cấu làng xã là yếu tố cơ bản định rõ sự khác biệt giữa tinh thần dân tộc bất khuất của dân Việt và sự thiếu vắng tinh thần này của tộc Hoa.

Thay vì theo cơ cấu “gia quốc” (nhà nước) của tộc Hoa khi phải lựa chọn thì tình nhà được đặt lên trên nợ nước cơ cấu làng xã của tộc Việt đã hun đúc tinh thần dân tộc bất khuất khiến người dân biết đặt trách nhiệm bảo vệ lãnh thổ cũng như bảo tồn, phát triển và truyền thừa dòng sinh mệnh văn hóa dân tộc lên trên hết.

Văn Hóa Việt Là Văn Hóa Ẩn Dụ

Văn hóa Việt là **văn hóa ẩn dụ**, văn hóa chìm, văn hóa cảm nhận không qua hình thức chữ nghĩa. Tại sao chúng ta không trở về học hỏi ở huyền thoại Việt Nam **tiếng nói tâm thức dân tộc**, mà lại đi tìm những đặc tính, cốt lõi tư tưởng Việt trong sách vở Khổng Mạnh ở bên Tàu ? Không thấu hiểu huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ tổ tiên và mất luôn căn bản trong việc xây dựng tiền đồ dân tộc. (Wallace Cliff).

Nền văn hóa Việt được hình thành từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời, cảm nhận từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (hài hòa, nhân bản, trọng tình nghĩa, chứa chan tính người và tình người, thăng hoa, ...) bao hàm những nét đặc trưng của địa bàn sinh sống (yếu tính nước) và quá trình chống ngoại xâm trong suốt chiều dài lịch sử dân tộc.

Tất cả các nét đặc trưng kể trên đã kết thành Đạo Sống Việt. Và chính đạo sống này đã định hướng cho cha ông chúng ta trong suốt hơn 4,000 năm lịch sử.

Trước ý đồ thâm hiểm của các đế chế du mục Bắc phương – quyết tâm xóa bỏ nền văn hóa Việt, đồng hóa người Việt, biến nước ta thành quận huyện của họ – cha ông chúng ta đã phải bảo lưu Đạo Sống Việt bằng cách mã hóa hoặc ngụy trang các yếu tính của đạo sống ấy dưới dạng ca dao, tục ngữ hoặc huyền thoại, và truyền thừa chúng qua bao thế hệ bằng cách truyền khẩu để đối phó với chính sách “khử tịch” (đốt và tịch thu sách) của phương Bắc.

Diễn hình là truyền tập các thần thoại được ghi từ những lời truyền miệng và truyện kể truyền kỳ Lĩnh Nam Trích Quái đã được hiệu đính bởi Vũ Huỳnh, sử gia triều Lê Trong bài tựa, Vũ Huỳnh đã nói rõ cách thức bảo lưu và truyền thừa đạo sống Việt: “*Lĩnh Nam có nhiều kỳ trong*

các truyện làm ra không phải chạm vào đá, khắc vào ván mà rõ ràng ở lòng người, bia truyền ở miệng, ông già trẻ con thấy đều thông suốt, đem lòng ái mộ, khuyên răn nhau. Việc có hệ ở cương thường, quan ở phong tục, há có phải là ít bổ ích đâu ?”

*Trăm năm bia đá cũng mòn,
Ngàn năm bia miệng vẫn còn trơ trơ.*

Nếu không có bộ huyền thoại thì không thể thành một dân tộc được. Và dân tộc nào không có bộ huyền thoại thì không thể được coi là có văn hóa hay văn minh.

Huyền thoại diễn tả tinh thần dân tộc ở mức độ cao nhất (Laurens van Des Post). Đó là bản đồ ghi lại cảm nghiệm lộ trình nội tâm của dân tộc (Joseph Campbell). Đó là một sáng tạo tập thể về giấc mộng siêu ý thức của thực tại (Paul Diel), là bài ca vũ trụ, là điệu nhạc không gian, là điệu vũ chúng ta múa nhưng không thể gọi rõ tên và cung điệu được (Joseph Campbell).

Nói một cách ngắn gọn, bộ huyền thoại là đạo sống của dân tộc (Karl Jung). Đó là di sản thiêng liêng nhất của dân tộc (laurens van Des Post), đó là gia sản quý báu nhất vì tính chất thiêng liêng điển hình và mang lại ý nghĩa sống (Mircea Eliade). Mất bộ huyền thoại là mất mạch nối vào nguồn quá khứ tổ tiên và mất luôn căn bản cho việc xây dựng tiền đề dân tộc (Wallace Cliff). Dân tộc nào bị mất bộ huyền thoại thì dân tộc đó, kể cả những dân tộc văn minh nhất, sẽ bị sụp đổ khủng khiếp (Karl Jung). Dân tộc đó quả thực bị coi như không còn nữa (Wallace Cliff).

Các huyền thoại cũng như những truyền kỳ, trích quái đều là sản phẩm của tập thể dân Việt, là tìm óc của cả lớp người có kiến thức văn tự (mà còn tâm Việt hồn Việt), lẫn lớp người có kiến thức thực nghiệm của cuộc sống hòa quyện với sự cảm nhận Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (Thiên Nhiên). Trải qua nhiều đời, chúng đã bị nhào nặn, tô điểm, thêm bớt, bị sơn phết lên trên nhiều lớp sơn văn hóa, tín ngưỡng trong giao lưu. Cái khó của người muốn tìm hiểu các thông điệp đích thực của tiền nhân là ngoài việc giải mã các ẩn dụ, biểu tượng, họ còn phải cạo bỏ các lớp sơn văn hóa ngoại nhập thì mới thấy được cốt lõi của đạo sống Việt.

Chúng tôi xin dẫn ra đây như một thí dụ nhỏ về việc giải mã truyện Phù Đổng Thiên Vương của cây viết Vĩnh Như. Tác giả đã gỡ bỏ ảnh hưởng Phật giáo trong truyện, không cần thắc mắc về hình ảnh của Phù Đổng lấy từ Tỳ Sa Môn Thiên Vương (Vaisravana) hay Sóc Thiên Vương, mà chỉ lưu tâm đến cốt lõi của thông điệp :

- Trong công cuộc chống ngoại xâm phải dựa vào nội lực chính là yếu tố dân tộc (dân làng mang cơm gạo, thịt thà đến nuôi cậu bé làng Phù Đổng; các bụi tre biểu tượng cho nội lực của dân tộc; nội lực của dân tộc là vũ khí tối hậu đẹp tan giặc), chứ không phải là kỹ thuật hoặc vũ khí tối tân (ngựa sắt, rơi sắt).

- Khi đẹp tan giặc, Phù Đổng Thiên Vương cởi áo giáp, bỏ roi sắt và cỡi ngựa bay về trời trong ý nghĩa thăng hoa.

Nhận xét trên cho thấy Vĩnh Như không cần xét tới ảnh hưởng đạo giáo trong hình ảnh vừa kể, mà chỉ cố tìm cho bằng được thông điệp đích thực của ông cha: *Có việc thì đến, hết việc thì đi*. Một người hết lòng lo cho việc nước, cho dân không may mắn vẫn đục ý tứ riêng, đã “thăng hoa” khỏi cõi đời thường để “tương thông với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ”.

Đã đến lúc chúng ta cần sáng suốt gỡ bỏ những lớp sơn văn hóa ngoại nhập để nhận ra được tinh hoa của nền minh triết Việt qua huyền thoại và truyền thuyết. Chỉ khi nào gỡ bỏ được lớp sơn văn hóa ngoại nhập thì chúng ta mới hiểu được tổ tiên ta muốn nhắn gửi điều gì cho hậu thế.

Văn Hóa Việt Là Văn Hóa Truyền Miệng

Văn hóa Việt là **văn hóa truyền miệng**. Tại sao chúng ta không trở về học hỏi ở ca dao tục ngữ (trên 50 ngàn câu), tiếng nói tâm thức của dân tộc, mà lại đi tìm tinh hoa tư tưởng Việt trong sách vở (Tứ Thư Ngũ Kinh) ở tận bên Tàu? Từ tiếng nói tâm thức dân tộc **buộc vào ngôi nhà tâm linh** đến tận cội nguồn văn hóa Việt – Thiên Thủ Vô Ngôn của Trời Đất, nơi chứa đựng tinh hoa văn hóa Việt, cốt lõi tư tưởng Việt.

Những lời ru đầy tình tự dân tộc đã thấm sâu vào lòng người Việt từ thuở nài nôi. Dân Việt sống nơi làng mạc đã lớn lên cùng với ca dao, tục ngữ mà qua đó họ nắm bắt được các yếu tính của đạo sống Việt, giúp họ biết được bản phận cũng như cách ứng xử cho hợp đạo làm người, hợp lý, hợp tình đối với cá nhân, gia đình, làng xóm cho đến đất nước dân tộc và nhân loại. Trong quá khứ, mặc dù rất nhiều người Việt thiếu kiến thức trường ốc, nhưng họ chỉ cần trang bị những kiến thức truyền khẩu của nền giáo dục nhân bản tâm linh (ca dao tục ngữ) họ cũng biết sống để trở nên trai hiền, dâu thảo, yêu nước thương nòi.... Ca dao tục ngữ là tiếng nói tâm thức dân tộc, phương tiện của nền giáo dục nhân bản tâm linh trên nền tảng của TÂM HỌC dân tộc. Nếu ca dao tục ngữ giúp chúng ta có được những kiến thức vỡ lòng về đạo sống Việt, thì các huyền thoại được mã hóa qua những biểu tượng ẩn dụ đã hàm chứa các nguyên lý sâu sắc của đạo sống Việt ở một cấp độ cao hơn trong việc bảo vệ và phát triển cấu trúc gia đình, làng xã, cộng đồng và đất nước.

Qua ca dao, tục ngữ, thần thoại, cổ tích truyền kỳ, đạo sống Việt hé lộ cho chúng ta thấy, *tuy con người đóng vai trò chủ chốt nhưng không phải là độc tôn. Con người ấy có những liên hệ hài hòa, đồng đẳng đồng cảm với thiên nhiên, với môi trường sống và ngay cả với đồng loại, không phân biệt phái tính, đẳng cấp....*

Cho nên chúng ta cần phải giải mã những ẩn dụ, các thông điệp trong huyền thoại, ca dao tục ngữ, truyện kể phục hoạt, phát huy tinh hoa cốt lõi tư tưởng Việt và nền Tâm học đã bị lãng

quên trên nền tảng của kế thừa và phát huy tiềm năng sẵn có nơi người Việt để đáp ứng nhu cầu tâm thức của con người trong thời đại tin học.

Trong tương lai, khoa học và tâm học (đạo học) sẽ kề vai sát cánh, đầu lung nhau trong công cuộc phát triển tâm linh (mà không cần kêu cầu đến ý thức hệ, tổ chức “tôn giáo”) sẽ giúp loài người cảm thông hài hòa phá bỏ biên giới lòng người cùng nhau xây dựng nền văn minh nhân bản chứa chan tính người và tình người.

Thống Nhất Trí Thức và Tâm Thức

Đã đến lúc người Việt cảm nghiệm rằng cuộc dung hóa tư tưởng thành công chỉ khi nào thống nhất được “trí thức và tâm thức” trên nền tảng của **tâm học dân tộc** thì tư tưởng mới **ổn định**.

Tư tưởng ổn định là nền tảng vững chắc và lâu dài, kiến thiết toàn bộ sinh mệnh con người, xây dựng gia đình và chuyển hóa toàn triệt xã hội. Chỉ khi nào chúng ta thực hiện được cuộc dung hóa những tư tưởng ngoại nhập đang hội tụ trên quê hương, đồng thời vận dụng vào đời sống của từng lớp dân chúng mới phát huy được một nền văn hóa dân tộc hòa bình nhân bản mang tính khai phóng và dung hóa trong giao lưu qua lăng kính tự do nhân chủ, xây dựng một xã hội nhân bản pháp trị với cơ cấu tự do dân chủ đích thực, một nền kinh tế phục vụ đại chúng và một hệ thống giáo dục đào tạo con người toàn diện để dân Việt thực sự bước vào con đường sống của dân tộc (= Nhân Đạo) mà tổ tiên chúng ta đã vạch ra qua các thông điệp ẩn tàng trong huyền thoại, truyền thuyết, ca dao....

Đã đến lúc người Việt ý thức rằng dân tộc mình chỉ có thể vươn lên ngang tầm với thời đại về khoa học kỹ thuật và vật chất khi đặt cờ sở phát triển đất nước trên nền tảng của bản sắc dân tộc trong xu thế toàn cầu hóa của thời đại tin học.

Về Nguồn Không Phải Là Khảo Cổ Hay Tư Duy Triết Học...

Về nguồn không phải là cất công tìm kiếm dòng suối đã khô, nhưng là khai thác nguồn nước sẵn có để sinh hoạt xã hội Việt Nam mỗi ngày thêm tươi mát phần vinh, con người Việt Nam sạch đẹp và khỏe mạnh. Về nguồn không phải là khảo cổ, cũng không phải là tư duy triết học, văn học, hay xã hội học, nhân chủng học, mà chỉ là lời mời ra đứng bên dòng sông quê hương, nước vẫn chảy và còn chảy mãi. Vấn đề sử dụng tùy nhu cầu và sở thích mỗi người. **Về nguồn để phục vụ cuộc sống chứ không tìm kiếm trí thức hay tranh cãi phải trái.** Bản sắc dân tộc rất cần trong thời đại tin học, thời đại giao lưu cọ xát gay gắt giữa các dân tộc và các nền văn hóa khác nhau trên thế giới. (Đông Phong – Bản sắc dân tộc, NXB Đường Việt, năm 2000, trang 25).

Về Nguồn Là Trở Về Với Bản Sắc Dân Tộc

Trở về nguồn là trở về với **bản sắc hiếu hòa**, với tinh thần **nhân bản, nhân chủ và dân chủ**, với nếp sống hài hòa “hòa cả làng”, coi nhau như bát nước đầy là hơn, đặt nền tảng trên **trí tuệ** (khôn cũng chết, dại cũng chết, biết thì sống) và tình thương, (thương người như thể thương thân) lấy tình nghĩa làm đầu : một bồ cái lý không bằng một tí cái tình, **trong tinh thần chấp nhận dị biệt** : rằng trong lẽ phải có người có ta, **khước từ bạo lực**, khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời, **tôn trọng tôn giáo** của người khác : trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ. Triết lý sống hài hòa đó bắt nguồn từ nếp sống nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời nên khác hẳn bản sắc hiếu chiến của Trung Quốc và Tây Phương bắt nguồn từ nền văn hóa gốc du mục.

Về Nguồn Là Trở Về Còn Đường Nhân Đạo

Về nguồn là trở về con đường sống của dân tộc (=Nhân Đạo) đã được ông cha ta gói ghém trong các huyền thoại như các thông điệp để trao truyền lại cho con cái Việt. Con đường sống đó lấy con người toàn diện làm gốc, đặt nền tảng trên tình thương và trí tuệ, qua lăng kính nhân chủ, dân chủ và khai phóng, dung hóa trong giao lưu mà không cần kêu cầu đến tín ngưỡng tôn giáo, ý thức hệ hay một hệ thống triết học kinh viện nào. Và đỉnh cao tuyệt đích của con người là thăng hoa như Tiên Rồng, như nước bốc hơi, với định hướng “biến - hóa, thăng hoa, hòa đồng; hòa cùng vũ trụ”.

Về Nguồn Là Trở Về Với Chính Mình

Về nguồn không đồng nghĩa với hoài cổ hay trở về với những tập tục lạc hậu, mà trước hết trở về với chính mình (trăm hay là xoay vào lòng), tự biết mình, thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức. Đó là con đường duy nhất hợp tình hợp lý chuyển hóa những thói hư tật xấu, hóa giải mọi tâm lý nô lệ ý thức hệ, tư tưởng ngoại nhập đã và đang qui định những hành vi và suy tư của mình, thống nhất trí thức và tâm thức, hòa mình vào dòng sống hiện thực sinh động của dân tộc.

Chuyển hóa tâm thức là tiến trình tự thắng những dục vọng thấp hèn, thói hư tật xấu, mặc cảm, tị hiềm, tham vọng cá nhân... ẩn tàng trong tâm trí cũng như những thói quen đang làm vẩn đục tình người, để nhân tính làm chủ tư duy và hành động. Hơn nữa, tự thắng cũng để khai triển những khả năng tốt đẹp ẩn tàng trong mỗi con người, đồng thời vận dụng những tinh hoa đó để thăng hoa con người và cuộc sống, vui hòa với tha nhân cùng đồng loại và thiên nhiên, tự cứu mình đồng thời đóng góp phần mình trong việc xây dựng nền văn minh nhân bản.

Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất: Cội Nguồn của Văn Hóa Việt

Đã đến lúc người Việt ý thức rằng về nguồn không thể ngừng ở Tam Giáo (NHO – LÃO – PHẬT). Một học giả người Mỹ, không có tâm Việt, hồn Việt chỉ với **tinh thần khách quan, đầu óc không bị điều kiện hóa bởi tam giáo** cũng thấy được khá chân xác về nguồn gốc văn hóa Việt; ông ta ví văn hóa Việt như một cây gậy, nhìn bên ngoài thấy **lớp sơn Tây mông**; cạo lớp sơn ấy đi, vẫn thấy phủ một **lớp sơn Tàu** có phần dày hơn; song cạo tiếp lớp sơn Tàu nữa thì **lộ ra cốt lõi gậy tre Việt Nam**.

Thật ra, còn một lớp sơn Ấn Độ (Phật Giáo) cũng khá dày mà học giả quên đề cập đến. Trở về nguồn cũng không thể ngừng lại ở **nền văn hóa Đông Sơn với trống đồng Ngọc Lũ**, thời đại Tam Giáo chưa du nhập vào Việt Nam. Trở về nguồn cũng **không phải trở về văn hóa Phùng Nguyên**, thời đại các vua Hùng dựng nước, thời đại ông Khổng Tử, ông Lão Tử và Thái Tử Tất Đạt Đa chưa có mặt trên trái đất.

Phải đi ngược lên, xa hơn nữa, vượt qua văn hóa Bắc Sơn với cái rìu Bắc Sơn nổi tiếng trên thế giới, đến tận **nền văn hóa Hòa Bình** muộn (12,000 – 10,000 năm trước Tây lịch) **nơi phát sinh cuộc cách mạng nông nghiệp trồng lúa nước** (*Oryzasativa*, cây lương thực trọng yếu của loài người, cách ngày nay 8,000 – 9,000 năm). Ở đó nảy sinh **xóm làng** chan chứa tính người và tình người (xã thôn tự trị), do lối sống (định cư), cách làm ăn (trồng lúa nước) và sự cảm nhận thiên nhiên hòa quyện với lòng người **tạo nên**.

Từ những hiểu nghiệm sống trong nền văn hóa trồng lúa nước ổn định lâu đời – nếp sống tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, tinh thần thực tiễn, tập tục có việc thì đến hết việc thì đi, tính hiếu hòa, tinh thần tương trợ, tương thân, tương ái, nếp sống trong tình nghĩa- **bước vào ngôi nhà tâm linh**, đến tận nguồn gốc văn hóa Việt – Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất – nơi chứa đựng những yếu tố tinh anh / tinh ròng của văn hóa Việt nói riêng (và văn hóa nhân loại nói chung), nên tảng triết lý sống Việt (Đạo Sống Việt).

Nói một cách đơn giản Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất là thiên nhiên.

Con người ra đời trong Trời Đất – “đầu đội trời, chân đạp đất”- sống giữa thiên nhiên cùng muôn loài. Từ thuở ban sơ, con người học từ thiên nhiên và ở chính mình để tăng dần sự hiểu biết. Có thể nói rằng thiên nhiên là ông thầy đầu tiên của con người và mãi mãi là ông thầy vô tư vi diệu nếu con người vẫn chịu khó để tâm quan sát học hỏi.

Trải qua tiến trình lâu dài hàng chục vạn năm, môi trường sống luôn luôn thay đổi. Nhờ quan sát học hỏi từ thiên nhiên và cuộc sống sinh động, con người cổ đại ngày càng hiểu biết hơn, hiểu ra được quy luật về chu kỳ của sự biến chuyển thời tiết, biết được tính chất của đất đai, hiểu quy luật vận hành của thiên nhiên cùng muôn vật.

Những tri thức thực nghiệm đó giúp con người cổ đại thích nghi với môi trường sống để tồn tại và phát triển về mọi mặt, vật chất lẫn tinh thần.

Thời đại không sách vở, kinh điển, không học thuyết này, học thuyết kia, không mở mắt, không động não, không mở lòng để **cảm nhận**, con người không sống nổi. Tìm những trái cây ăn được qua quan sát các loài chim ăn trái trên cành, con sóc lượm quả dưới đất....

Sau một thời gian dài, từ săn bắt hái lượm, đào củ, tổ tiên người Việt cổ ở Hòa Bình (tiền thân của dân tộc Việt Nam) biết thuần hóa cây nông nghiệp, thú vật, chuyển sang đời sống định canh định cư: trồng trọt, trồng lúa nước và nuôi gia súc.

Ai đã dạy họ trồng trọt ?

Phải chăng môi trường sống (thiên nhiên) và đời sống thực tiễn là ông thầy của họ ?

Thường ngày họ hái lượm quả chín ở trong rừng sâu đêm về hang động, ăn xong, vứt hạt xuống đất ẩm đất, hạt nảy mầm mọc lên cây, sinh hoa kết trái.... Họ hiểu ra.... Từ đó họ phá rừng để trở thành vườn nương, vườn tược trồng cây ăn trái, đồi nương trồng rau dưa, bầu bí, khoai đủ loại....

Thế là nghề nông xuất hiện, đánh dấu một bước tiến bộ quan trọng trong đời sống của dân cư Hòa Bình. Từ những kinh nghiệm trồng trọt, họ nhận ra được **nước** giúp cho thảo mộc tăng trưởng mạnh và tốt tươi, nên họ tìm cách **thuần hóa lúa hoang trở thành cây lúa nước**....

Quan sát để học. Học để biết, biết để làm, làm để sống. Rồi vừa làm vừa học, làm đến đâu học đến đó. Biết đến đâu sống và làm đến đó. Biết rồi bảo nhau cùng biết để thăng tiến con người. Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội, và ngược lại. Vì sống phải làm mà làm thì tăng sự hiểu biết “sông – làm – biết” và ngược lại “biết – làm – sống”.

Kinh nghiệm sống cho biết, con người học hỏi bằng **lòng** (tâm) : cảm nhận, trực nhận; học hỏi bằng bằng **mắt** : quan sát; học hỏi bằng **tay** : lao động; học hỏi bằng **ốc** : suy tư nhận xét, sáng tạo.

Người nông dân trồng lúa nước phải quan sát trời (thời tiết) trăng sao, đất đai, mưa gió thật tỉ mỉ để hoạch định công việc cày cấy, săn sóc, chăm bón đồng ruộng.

Sống với nghề nông trồng lúa nước ổn định lâu đời cách ngày nay 8,000 – 9000 năm (thời đại văn hóa Hòa Bình) nông dân Việt, với kinh nghiệm sống thực tiễn thấu hiểu rằng muốn giải quyết các khó khăn trong cuộc sống thì phải **nhìn thẳng vào sự thực trong hiện tại** (thực tại);

về sau ông cha ta diễn tả cái biết bằng: “Trong cơ trời đất liêu thời làm ăn” tức cảm nhận **thiên nhiên** (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất).

Cảm, nhận quy luật dịch lý trong thiên nhiên, trời đất, phóng tâm hòa cùng vũ trụ vạn vật : tâm ta và tâm vũ trụ là một, giống nhau, để từ đó rút ra (nhận) những quy luật, những bài học được thể nghiệm, chứng nghiệm từ kinh nghiệm sống thực tế, để xây dựng nếp sống hài hòa : hài hòa giữa thân và tâm, hài hòa giữa người với người để chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng, hài hòa giữa người với thiên nhiên để thăng hoa cuộc sống và con người, theo chiều kích phát triển tình thương và trí tuệ (tâm linh) với định hướng của nền tâm học dân tộc Biến- Hóa, Thăng hoa, Hòa đồng, qua quá trình giáo dục nhân bản tâm linh: học ăn, học nói, học gói, học mở.

Những quy luật dịch lý của thiên, những bài học rút ra từ Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên) chẳng hạn **tất cả mọi hiện hữu trên đời đều biến đổi không ngừng**, theo quy luật riêng của nó, như cây lúa, giầy bầu, giầy bí, thời tiết, v.v... kể cả con người và vạn vật muôn loài; và không có “**cái gì**” trên trái đất này **tự nhiên** hay do một người nào đó tạo ra, mà **phải do nhiều yếu tố hợp lại** duyên hợp tương quan nhân quả mà cấu thành. Cây lúa chỉ có thể phát triển tốt tươi trên đồng ruộng là do sự cần cù lao động của **con người**, với giống tốt, nước, phân, ánh sáng mặt trời và thời tiết....

Tinh thần **nhân bản** (con người là gốc) cũng như tinh thần nhân chủ trong nền văn hóa Việt không phải do một vị **thần linh**, hay do **một người** đấng đạo nào đó, hoặc do một **hệ thống triết học** chỉ dạy cho dân nông nghiệp trồng lúa nước thời văn hóa Hòa Bình nói riêng, và cho dân tộc Việt Nam nói chung, mà do cảm nhận chuyển dịch nguyên lý vận hành của Thiên Nhiên vào dòng sống qua **tình gia đình** (tình mẹ con, cha con, lòng hiếu thảo), **môi trường sống** (khi hậu nhiệt đới gió mùa với những đồng bằng trù phú) **cách làm ăn** (trồng lúa trước) và **nếp sống** tương nhượng quần cư hài hòa trong xóm làng, hòa quyện với lòng người **đã tôi luyện hun đúc kết đọng lại**.

Thực tế cho thấy kinh nghiệm trồng lúa nước đã rèn luyện, hun đúc cho nông dân tình thần nhân chủ. Muốn thu hoạch được kết quả tốt đẹp trong việc trồng lúa nước, nông dân phải **chủ động quan sát** các hiện tượng thiên nhiên : trông trời, trông đất, trông mây, v.v.... Nói gọn một câu : “Trông cơ trời đất liêu thời làm ăn” nghĩa là quan sát hiện tượng thiên nhiên, thời tiết để quyết định sắp xếp công việc trồng trọt, làm mùa, v.v....

Nếu mưa to, gió lớn, giống bảo nổi lên, nông dân không dại gì cày bừa, gieo mạ, cấy lúa trong những trường hợp đó....

Nếu trời trong biển lặng, nông dân mới yên tâm làm ruộng. Điều đó cho thấy quyết định **làm** hay **chưa làm** là do con người. Nói cách khác, con người **chủ động** trong mọi sinh hoạt của con người.

Như vậy, con người tự mình quyết định những công việc phải làm, chứ không phải do bất cứ yếu tố nào ở bên ngoài con người. Con người tự mình quyết định, làm chủ chính mình. Triết học ngày nay gọi đó là **tinh thần nhân chủ**. (xem chi tiết Tinh thần nhân bản và nhân chủ trong nền văn hóa Việt – Tủ Sách Việt Thường. P.O. Box 720080, Houston, TX 77072).

Nói cách khác, nghề nông trồng lúa nước bắt buộc nông dân nhìn thẳng vào thiên nhiên (Trời) đất đai, thời tiết, tức **nhìn thẳng vào thực tại**.

*Trong trời, trông đất, trông mây
Trông mưa, trông gió, trông ngày, trông đêm.*

Phóng tầm quan sát những hiện tượng thiên nhiên – hướng gió, độ mưa, sắc mây, quang trắng, én bay thấp hay cao, quạ tắm hay sáo tắm, v.v... từ quan sát thực tại tìm hiểu sự thật / chân lý (mưa hay nắng, mưa ngập bờ ao hay mưa rào lại tạnh, v.v...) hầu giải quyết trở ngại cho việc gieo trồng nói riêng, cho cuộc sống nói chung.

*Quạ tắm thì ráo (nắng) sáo tắm thì mưa
Én bay thấp mưa ngập bờ ao
Én bay cao mưa rào lại tạnh*

Chính thiên nhiên đã dạy người nông dân, nói theo ngôn ngữ ngày nay: **thực tại là tiêu chuẩn của chân lý**.

Quan sát bên ngoài (thiên nhiên) chưa đủ mà còn phải quan sát chính mình, để tự mình : phải có quyết tâm với tinh thần chủ động mới có thể đạt được kết quả trong công việc : Trông cho chân cứng đá mềm.

Không tự hiểu mình không thể tiến xa được, không thể sống yên vui được. Ông cha ta đã rút được kinh nghiệm, *trăm hay là xoay vào lòng*, “*vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*”.

Tự hiểu mình đi đến chỗ ý thức lòng mình (tâm mình) với tâm vũ trụ là một, hòa cùng vũ trụ như đã trình bày “*Trời trong biển lặng mới yên tấm lòng*”.

Trong cuộc sống sinh động, ông cha ta chuyển tải sự **hiểu nghiệm** (sự hiểu biết qua kinh nghiệm sống) và “nghệ thuật” cảm nhận thiên nhiên cùng nếp sống hài hòa cho con cháu qua ca dao, tục ngữ, huyền thoại mà không truyền **qua hình thức đóng khung** trong văn tự với học thuyết, chủ nghĩa, ý thức hệ hay tôn giáo.

Khởi từ **cuộc sống linh động**, truyền từ sự sinh động qua sự sinh động thiết thực của cuộc sống, **truyền từ tâm qua tâm**, không đóng khung trong ngôn ngữ chết. Chữ nghĩa chỉ nói về sự thật chứ không phải là sự thật.

Tóm lại, tri thức thực nghiệm rút ra từ thiên nhiên (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất) và chính mình, rồi đem các qui luật vận hành đã cảm nhận được ứng dụng vào lãnh vực liên hệ đến cuộc sống hàng ngày. Chẳng hạn quy luật vận hành của bốn mùa, hướng gió, độ mưa của từng thời kỳ, sắc mây, quầng trăng v.v... đã được ứng dụng vào việc dự báo thời tiết nhà nông, vì thế cuộc sống của nông dân gắn liền với cuộc sống thảo mộc và thiên nhiên. Đây là mối liên hệ mật thiết, tương quan, tương cảm đã phản ảnh sâu đậm trong **nhân sinh quan thảo mộc** với cái nhìn thảo mộc (thích nghi, hài hòa) của nông dân Việt, nó khác với cái nhìn “đàn lữ” chăn nuôi theo bầy với đánh đập la hét của người Trung Hoa và Tây Phương với **nhân sinh quan du mục**.

Qua kinh nghiệm sống, họ biết nương tựa vào thiên nhiên, thích nghi, thích ứng với thiên nhiên để tồn tại và phát triển hầu thăng hoa con người và cuộc sống. Nếu sống xa cách thiên nhiên hay phá hoại thiên nhiên, con người khó tồn tại một cách lành mạnh.

Truyền thống bảo vệ môi sinh của nền văn hóa xóm làng, văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ghi nhận được qua chiếu chỉ của vua Lý Nhân Tông năm 1126 (Bính Ngọ) : **cấm dân chúng mùa Xuân không được chặt cây** (ĐVSKTT trang 294).

Như vậy, trở về cội nguồn là trở về với Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất (thiên nhiên), tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển hóa tâm thức, chuyển hóa hiện tại để thăng hoa cuộc sống và con người, chứ không phải trở về với Tứ Thư Ngũ Kinh, hay Tam giáo (Nho-Lão-Phật), hoặc trong sách vở với những định nghĩa không đóng góp thiết thực cho cuộc sống hiện thực.

Ngày nay, đầu óc con người đã và đang bị điều kiện hóa bởi giáo dục, xã hội, học thuyết, triết thuyết, ý thức hệ, nhất là các tổ chức tôn giáo, v.v... nên chúng ta khó lòng vượt qua được sách vở, kinh điển, tri thức thọ nhân, v.v... nếu không tự ý thức chuyển hóa tâm thức thì không thể trở về với ông thầy đích thực vô ngôn vị diệu (Thiên Thư Vô Ngôn của Trời Đất).

Thần Tổ Kép Tiên Rồng Là Biểu Tượng Của Lý Đối Lập Thống Nhất (Hài Hòa) Tình Thương Trí Tuệ Và Thăng Hoa

Thần tổ kép Tiên Rồng của dân Việt là biểu tượng cho lý đối lập thống nhất, nền tảng của triết lý sống thái hòa : hài hòa giữa thân tâm, hài hòa giữa người với người, hai hòa với thiên nhiên, hòa cùng vũ trụ. **Hòa là chủ đạo cho mọi liên hệ ứng xử. Nhân và Trí là định hướng cho mọi lời nói, ý nghĩ và việc làm, hầu nhân tính làm chủ tư duy và hành động để thăng hoa cuộc sống và con người.**

Thần tổ kép Tiên Rồng còn là biểu tượng cho sự thăng hoa theo chiều kích Nhân và Trí. Mẹ Tiên Âu Cơ sống trên núi (non Nhân), cha Rồng Lạc Long sống dưới biển (nước Trí).

Trí tuệ và nhân ái là định hướng của dân tộc Việt trong mọi ý nghĩ và hành động.

Biểu tượng mẹ, Âu Cơ và cha Lạc Long chính là biểu hiện rực rỡ của Tình Thương (Nhân Ái) và Trí Tuệ để con cái Việt noi theo.

Về nguồn là phục hoạt “cốt lõi tư tưởng Việt”, làm yếu tố chủ đạo cho việc dung hóa những tư tưởng ngoại nhập Đông Tây Kim Cổ đang hội tụ trên quê hương và đang tác hại người dân Việt về vật chất cũng như tinh thần. Cuộc dung hóa thành công – thống nhất trí thức và tâm thức – là điều kiện cần và đủ cần và đủ để thể hiện con đường sống của dân tộc, hầu đưa đất nước vươn lên ngang tầm với thời đại. Đó cũng là cách thanh toán món nợ tinh thần thiết thực có ý nghĩa nhất trong thời đại tin học, đóng góp phần mình vào công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản.

Nói cách khác, VỀ NGUỒN không phải chỉ nâng niu ca ngợi “Trống Đồng”, chiếc Rìu Bắc Sơn nổi tiếng trên thế giới, hoặc tự hào là đã thực hiện cuộc cách mạng trồng lúa nước cách ngày nay khoảng 8,000 – 9,000 năm, hãnh diện với người là Tàu cướp tinh hoa của văn hóa Việt, v.v..., mà thể hiện đạo lý dân tộc “thương người như thể thương thân” trong đời sống, và thực hiện con đường nhân đạo mà tổ tiên chúng ta đã nhắn gửi trong các thông điệp qua huyền thoại, ca dao, tục ngữ.

Trở về nguồn là vận dụng óc sáng tạo với tinh thần thích nghi, khai phóng, dung hóa và sáng tạo như ông cha ta đã làm trong quá khứ để tạo những thành quả thiết thực phục vụ đời sống.

Đóng Góp Của Dân Tộc Việt Nam Trong Việc Tạo Quân Bình Giữa Sự Tiến Bộ Vật Chất Và Tinh Thần, Xây Dựng Nền Văn Minh Nhân Bản

Lòng biết ơn của người Việt bắt đầu từ việc uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước, ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây. Chúng ta, dân tộc Việt Nam, đang hưởng những thành quả khoa học kỹ thuật, đang nợ thế giới văn minh khoa học rất nhiều. Thế giới cho ta văn minh khoa học kỹ thuật thì ta giới thiệu văn minh tinh thần khai phóng với triết lý sống hài hòa “hòa cả làng”. Họ khùng khoảng gia đình, ta giới thiệu sự hòa thuận : thuận vợ thuận chồng biển Đông tát cũng cạn, trong gia đình phân công (chồng chày, vợ lưỡi, con câu), lấy tình nghĩa làm đầu: một bồ cái lý không bằng một tí cái tình. Họ cho ta kỹ thuật phát triển vật chất, ta chia sẻ với họ nghệ thuật thăng hoa tâm linh, trầm hay là xoay vào lòng, vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình. Họ đề cao duy lý trên nền tảng mạnh được yếu thua, cá lớn nuốt cá bé, ta giới thiệu tình lý hài hòa trên nền tảng của lý đối lập thống nhất, đối lập là bổ sung. Họ chủ trương cạnh tranh sinh tồn, ta giới thiệu tinh thần phân công hợp tác trên nền tảng của lý tác động hai chiều : có đi có lại mới toại lòng nhau, trong tinh thần “công bằng là đạo người ta ở đời”. Họ chủ trương dùng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, ta giới thiệu cách ứng xử khước từ bạo lực (đối thoại) : khôn chẳng qua lẽ, khỏe chẳng qua lời.

Với tình thân độc tôn độc hữu, họ chủ trương độc quyền chân lý, tôn giáo độc tôn, ta giới thiệu chấp nhận dị biệt : rằng trong lẽ phải có người có ta, và tôn trọng tôn giáo của người khác, để các tôn giáo đồng lưu trong tinh thần, trống làng nào làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ.

Không có gì nguy hại bằng khủng hoảng về sự mất quân bình giữa tiền bộ vật chất và tiến bộ tinh thần – tức mất quân bình giữa khoa học kỹ thuật và khoa học nhân văn – trong xã hội nhân loại ở thời hậu kỹ nghệ. Chúng ta giới thiệu nghệ thuật sống tạo dựng sự cân bằng (quân bình) giữa vật chất và tinh thần, không cần kêu cầu đến tôn giáo, và ý thức hệ. Không ở đâu thoả mái bình an bằng đi vào tâm linh, không hạnh phúc nào để nắm bắt bằng tình nghĩa trong gia đình, nhân ái trong xã hội với nếp sống hòa cả làng chứa chan tính người và tình người.

Cách Mạng Tâm Linh

Thực tế trước mắt, so với hơn một ngàn năm bị Bắc thuộc, với chánh sách đồng hóa vô cùng thâm độc của tộc Hán, không cho phép chúng ta thối chí nản lòng. Ông cha ta đã dạy: “còn nước còn tát”, “còn da lông mọc”, “còn chồi lên cây”. Như vậy, tiếng Việt còn, tình thân dân tộc còn, nội lực của dân tộc và bản sắc dân tộc còn, nền “tâm học dân tộc” với phương tiện giáo dục nhân bản tâm linh (trên 50000 câu ca dao, tục ngữ) còn, thì nước Việt còn vươn lên trong tương lai, dân Việt còn đứng vững trước ngả tư quốc tế với một tư thế uy dũng như Rồng và nhân ái như Tiên.

Tương lai Việt Nam đi về đâu ? Câu trả lời bắt đầu từ hiện tại, ngay tại đây và bây giờ, từng người trong chúng ta ý thức được tầm quan trọng của cuộc chuyển hóa tâm thức để thống nhất trí thức và tâm thức, cùng nhau thể hiện con đường sống của dân tộc (= Nhân Đạo) trong thời đại tin học với xu thế toàn cầu hóa.

Ông Krishnamurti đã đi khắp thế giới trong suốt sáu mươi lăm năm khẩn thiết kêu gọi phát động một cuộc cách mạng triệt để trong tâm thức con người.

Đức Đạt Lai Lạt Ma đã phát biểu trong ĐẠO LÝ CHO THIÊN NIÊN KỶ MỚI : cần phải có một cuộc cách mạng, chắc chắn là thế. Nhưng không phải cách mạng chính trị, kinh tế, hoặc ngay cả kỹ thuật, chúng ta đã có quá đủ kinh nghiệm của các thứ trên trong thế kỷ qua để hiểu biết rằng, một khuynh hướng ngoại diện không thể nào đầy đủ. Điều tôi đề xướng là một cuộc cách mạng tâm linh (DaLai LaMa sdd, trang 16).

Gọi quê hương mình là nước (nước Văn Lang) và với biểu tượng “**thân tổ kép Tiên Rồng**”, ông cha ta muốn nhắn nhủ con cháu phải luôn luôn hưởng thượng, thăng hoa như **Tiên Rồng**, như nước bốc hơi theo chiều kích phát triển tình thương (Tiên) và trí tuệ (Rồng), không qua sách vở kinh điển mà lấy “**lòng người**”- trâm hay là xoay vào lòng – làm trung tâm điểm cho việc chuyển hóa tâm thức, qua hóa trình giáo dục nhân bản tâm linh – học ăn, học nói, học gói,

học mở – với định hướng của nền tâm học dân tộc: Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng: hòa cùng vũ trụ.

Con người xây dựng xã hội và xã hội phần thóa con người. Trong xã hội mà phần nhân tính trong con người được tỏ lộ nhiều, xã hội được thanh bình thịnh vượng; trong xã hội mà phần ma quỷ biểu lộ, con người sống trong xã hội này cứ mang đầy buồn tủi xót xa. Thăng tiến con người đồng nghĩa với thăng tiến xã hội và ngược lại (Đặng Thanh Tùng, Tinh Hoa Tư Tưởng Việt, Tủ Sách Việt Thường, 1999, trang 111).

Muốn cải tiến, chuyển hóa xã hội, trước hết phải thay đổi chính bản thân mình.

Để thay đổi được chính bản thân mình, sự tự biết mình là điều hết sức cần thiết; không biết mình là ai, thì sẽ chẳng có một nền tảng nào cho những suy nghĩ đúng đắn và không biết mình là ai thì sẽ chẳng bao giờ có được một biến chuyển nào cả. Hãy thay đổi chính bản thân mình, rồi bạn sẽ thay đổi toàn thế giới (Krishnamurti – What are you doing with your life? trang 16).

Còn “**tâm Việt, hồn Việt**” thì còn ý thức được chính tinh thần khai phong, cởi mở, bao dung, vị tha mà ông cha ta đã đưa hai tay đón nhận tất cả các tôn giáo trong tinh thần “trống làng nao làng ấy đánh, thánh làng nào làng ấy thờ” với chủ trương **khước từ bạo lực** (đối thoại) khi có mâu thuẫn : “Khôn chẳng qua lẽ khỏe chẳng qua lời”.

Ông cha ta đã dạy : Ăn một trái cây ngon ngọt phải nhớ đến công lao của kẻ trồng cây (ăn trái nhớ kẻ trồng cây), uống một ngụm nước trong mát phải nhớ đến nguồn nước (uống nước nhớ nguồn). Cho nên người Việt theo những tôn giáo ngoại nhập (Nho-Lão-Phật, Ki Tô giáo Tin Lành, Hồi Giáo Kể cả Cao Đài, Hòa Hảo), v.v.... không nên tạo những ốc đảo trong lòng của dân tộc cũng như trong gia đình.

Về tôn giáo, không nên thuyết phục người khác tin theo điều mình tin, mà thể hiện điều mình tin qua lời nói, ý nghĩ và việc làm; tạo điều kiện thuận lợi để hạt giống tình thương yên nguyên (không mang bất cứ nhãn hiệu nào) phát triển hồn nhiên trong sáng thì mới hóa giải mâu thuẫn sung đột trên thế giới giúp loài người cùng nhau chung sống trong yên vui thanh bình thịnh vượng.

Nếu không, con người hô hào tình thương, bác ái nhưng thực chất là hận thù đối nghịch. Họ ca tụng văn minh nhưng thực chất là dã man cuồng loạn. Họ nói đến tự do nhưng thực chất là giam giữ con người **trong nô lệ của ý hệ và tôn giáo**. (Sư Viên Minh, Thư Thầy Trò, trang 86).

Không có tự do tâm linh là không có tình thương hồn nhiên trong sáng.

Đã đến lúc người Việt Nam phải tự ý thức thực hiện cuộc **chuyển hóa tâm thức** (phát triển tâm linh) trên nền tảng của giáo lý mà mình đang theo, trở thành người “**thiện lành**”, phát triển tình

thương và trí tuệ, thể hiện **đạo lý** của dân tộc: “thương người như thể thương thân” và **triết lý sống** thái hòa, qua nếp sống hài hòa (hòa cả làng), lấy **tình nghĩa** làm đầu (một bồ cái lý, không bằng một tí cái tình) trong tinh thần “công bằng là đạo người ta ở đời, phá vỡ những ốc đảo (kiến bò miệng chén) những định kiến (gà quê ăn quân cối xay) về chính trị và tôn giáo, xem “đổi lập” là bổ sung, chấp nhận dị biệt (rằng trong lẽ phải có người có ta) **thống nhất tri thức và tâm thức**, cùng nhau chung sống yên vui trong thanh bình thịnh vượng.

Tình thương hồn nhiên trong sáng – không mang bất cứ nhãn hiệu nào – sẽ hóa giải mọi mâu thuẫn, nghịch lý ở nội tâm, trong gia đình và ngoài xã hội:

1. Dân Tộc: **Người trong một nước phải thương nhau cùng.**

2. Nhân Loại: **Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn** (giàn dân tộc – giàn nhân loại).

Ông cha ta thường nhắc nhở:

Thương nhau củ ấu cũng tròn (một trăm chỗ lệch cũng kê cho bằng)

Tình thương, trí tuệ, hài hòa và thượng tôn luật pháp là những yếu tố căn bản / nền tảng giải đáp nhu cầu tâm thức của con người trong thế toàn cầu hóa để xây dựng **nền văn minh nhân bản** mà loại người đang hướng tới.

Người Việt theo tục thờ cúng tổ tiên cũng cần phải tự ý thức thực hiện cuộc chuyển hóa tâm thức mà khởi điểm là trở về với chính mình (*trăm hay là xoay vào lòng, vì ngọn đèn được tỏ trước khêu bởi mình*), **tự biết mình**, với nếp sống **tĩnh thức**, qua quá trình học ăn, học nói, học gói, học mở (truyền thống giáo dục nhân bản tâm linh) theo chiều kích phát triển tình thương và trí tuệ (tâm linh) với định hướng: BIẾN – Hóa – Thăng hoa, Hòa đồng: hòa vào dòng sống xã hội và cùng vũ trụ.

Lời nói kinh điển, chữ nghĩa chỉ mô tả sự thực, chứ không phải là sự thực. Sống với sự thực hơn là nói suông, cho nên ông cha ta đã dạy:

Trăm nghe không bằng một thấy,

Trăm thấy không bằng một lần trải qua.

Chuyển hóa tâm thức, không những thay đổi chính bản thân mình mà còn cứu được đất nước, thực hiện con đường sống của dân tộc (Nhân Đạo) đồng thời dân tộc Việt Nam cũng đóng góp được phần mình vào công cuộc xây dựng nền văn minh nhân bản, xu thế tất yếu của loài người.

GS Đào Văn Dương

THƯỜNG NHƯỢC THỦY

Vĩnh Như

Tủ Sách Việt Thường

www.tusachvietthuong.org